

Công ty Cổ phần Licogi 16

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Licogi 16

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và phê duyệt của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 46

Công ty Cổ phần Licogi 16

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Thị Thu Trang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Nam Trung	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
		miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2018
Ông Bùi Dương Hùng	Giám đốc Thi công	miễn nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
	Giám đốc Thi công	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
		miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018
Ông Phí Ngọc Anh	Giám đốc Thi công	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	miễn nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
Bà Đinh Thị Hiền	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2018
Ông Hoàng Minh Khai	Giám đốc Bất động sản	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

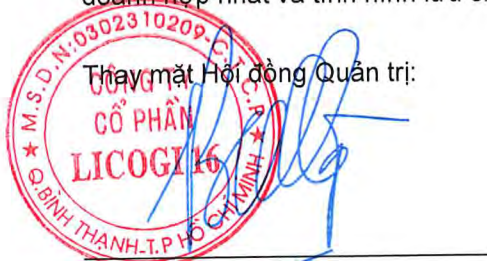
PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Bùi Dương Hùng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 60992762/19355428

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1



Vương Văn Minh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3446-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.171.071.343.707	1.416.741.301.498
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	550.441.675.920	150.992.439.456
111	1. Tiền		250.441.675.920	44.992.439.456
112	2. Các khoản tương đương tiền		300.000.000.000	106.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		27.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	27.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.300.555.465.894	969.321.717.351
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	504.534.740.157	612.900.149.640
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	395.124.648.711	223.172.389.527
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.136.418.391	3.136.418.391
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	425.140.736.850	156.214.908.876
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(27.381.078.215)	(26.102.149.083)
140	IV. Hàng tồn kho	10	268.838.489.157	253.176.940.459
141	1. Hàng tồn kho		268.838.489.157	253.176.940.459
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		24.235.712.736	43.250.204.232
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.469.268.627	16.729.377.342
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.766.444.109	26.520.826.890

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.296.482.687.267	979.725.022.982
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	58.367.989.843
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	58.365.989.843
216	2. Phải thu dài hạn khác		-	2.000.000
220	II. Tài sản cố định		232.719.470.235	117.189.390.982
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	222.996.129.455	112.307.211.701
222	Nguyên giá		288.986.247.217	155.650.466.386
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(65.990.117.762)	(43.343.254.685)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	6.049.293.999	-
225	Nguyên giá		6.241.674.374	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(192.380.375)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	3.674.046.781	4.882.179.281
228	Nguyên giá		9.665.060.000	9.665.060.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.991.013.219)	(4.782.880.719)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		95.153.992.125	121.678.978.245
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	95.153.992.125	121.678.978.245
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	967.978.351.829	682.252.166.257
251	1. Đầu tư vào công ty con		395.131.861.427	218.014.226.377
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		199.248.674.660	603.357.793.569
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		472.447.030.000	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(123.508.733.758)	(139.119.853.689)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		24.659.519.500	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		630.873.078	236.497.655
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	630.873.078	236.497.655
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.467.554.030.974	2.396.466.324.480

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.395.583.371.670	1.319.902.231.826
310	I. Nợ ngắn hạn		2.266.459.735.450	1.273.026.161.392
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	529.798.758.187	414.392.621.286
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	886.354.880.217	308.366.165.367
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	13.208.152.118	8.282.621.755
314	4. Phải trả người lao động	19	4.988.970.855	3.723.408.282
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	112.482.950.239	167.753.651.490
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	246.112.946.121	89.085.735.530
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	466.446.320.841	268.991.956.456
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.066.756.872	12.430.001.226
330	II. Nợ dài hạn		129.123.636.220	46.876.070.434
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	11.365.443.351	65.443.351
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	115.576.091.869	44.528.799.833
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		2.182.101.000	2.281.827.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.071.970.659.304	1.076.564.092.654
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	1.071.970.659.304	1.076.564.092.654
411	1. Vốn cổ phần		780.000.000.000	762.499.560.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		780.000.000.000	762.499.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.686.603.494	93.686.613.494
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.380.000)	(3.390.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.083.133.447	101.177.006.797
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		40.558.361.579	50.168.000.932
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		38.524.771.868	51.009.005.865
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.467.554.030.974	2.396.466.324.480


Đặng Văn Lực
Người lập


Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng


Đinh Thị Hiền
Giám đốc Tài chính


Bùi Dương Hùng
Người đại diện theo pháp luật



Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

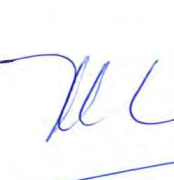
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.158.091.812.719	822.033.260.885
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(1.073.154.171.736)	(744.727.317.139)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.937.640.983	77.305.943.746
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	32.834.047.344	27.490.994.884
22	5. Chi phí tài chính	26	(25.310.607.628)	(38.722.864.641)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(35.660.392.971)	(33.608.759.598)
25	6. Chi phí bán hàng	27	(7.104.295.038)	(1.594.007.983)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(37.331.539.376)	(27.708.230.032)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.025.246.285	36.771.835.974
31	9. Thu nhập khác	28	6.542.589.415	34.440.034.903
32	10. Chi phí khác	28	(5.942.623.201)	(20.202.865.012)
40	11. Lợi nhuận khác	28	599.966.214	14.237.169.891
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		48.625.212.499	51.009.005.865
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.2	(10.100.440.631)	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		38.524.771.868	51.009.005.865



Đặng Văn Lực
Người lập



Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Đinh Thị Hiền
Giám đốc Tài chính





Bùi Dương Hùng
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		48.625.212.499	51.009.005.865
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14	28.412.143.096	18.883.124.251
03	Hoàn nhập dự phòng		(14.431.917.049)	(4.514.365.214)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(25.263.081.494)	(51.639.957.671)
06	Chi phí lãi vay	26	35.660.392.971	33.608.759.598
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		73.002.750.023	47.346.566.829
09	Tăng các khoản phải thu		(209.949.868.785)	(10.174.020.750)
10	Tăng hàng tồn kho		(15.661.548.698)	(28.357.405.355)
11	Tăng các khoản phải trả		711.845.975.257	167.266.484.151
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.593.006.019	(2.850.452.694)
14	Tiền lãi vay đã trả		(34.397.547.578)	(34.067.886.474)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.873.893.444)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.607.156.972)	(6.067.748.596)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		509.951.715.822	133.095.537.111
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(145.387.865.340)	(61.387.944.000)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		7.740.803.435	34.198.902.336
23	Tiền chi cho vay		(51.659.519.500)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		58.365.989.843	58.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(649.364.665.050)	(37.987.640.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295.158.590.909	59.472.963.636
27	Tiền thu lãi cho vay		8.933.940.824	68.863.226.167
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(476.212.724.879)	121.659.508.139
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		157.436.440.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	22	1.053.809.596.749	655.687.992.945
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(790.551.951.613)	(782.211.897.843)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	22	(1.621.666.205)	-
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(53.362.173.410)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		365.710.245.521	(126.523.904.898)

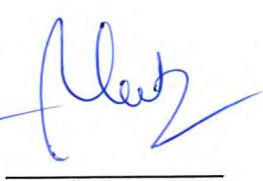
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		399.449.236.464	128.231.140.352
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		150.992.439.456	22.761.299.104
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	550.441.675.920	150.992.439.456



Đặng Văn Lục
Người lập



Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Đinh Thị Hiền
Giám đốc Tài chính




Bùi Dương Hùng
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 304 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 226).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu,
công cụ, dụng cụ | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất,
kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan theo phương pháp bình quân gia quyền |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 – 11 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo năm cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo năm theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển giao đất cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	132.627.266	104.251.232
Tiền gửi ngân hàng	109.730.282.857	44.888.188.224
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa (*)	140.578.765.797	-
Các khoản tương đương tiền (**)	300.000.000.000	106.000.000.000
TỔNG CỘNG	550.441.675.920	150.992.439.456

(*) Khoản tiền thu được từ đợt phát hành riêng lẻ 22.000.000 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 (Thuyết minh số 32) và lãi tiền gửi tương ứng.

(**) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi từ 5% ~ 5,2%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng:		
Tiền thu từ đợt phát hành riêng lẻ 22.000.000 cổ phiếu (Thuyết minh số 21)	140.500.000.000	-

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,3% ~ 7%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	295.654.315.213	526.042.136.127
- Công ty Cổ phần Licogi 13	48.239.591.366	-
- Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần	31.310.063.872	33.511.257.732
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	25.511.774.763	25.469.288.335
- Bệnh viện II Lâm Đồng	21.658.731.145	25.712.008.854
- Công ty TNHH Siêu Thành	20.553.246.263	-
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	18.405.336.729	15.120.139.731
- Ban QLDA Các công trình Điện Miền Nam	7.679.599.310	18.962.781.093
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	-	146.203.242.005
- Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	-	141.969.723.446
- Các khách hàng khác	122.295.971.765	119.093.694.931
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	208.880.424.944	86.858.013.513
TỔNG CỘNG	504.534.740.157	612.900.149.640
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(27.381.078.215)	(26.102.149.083)
GIÁ TRỊ THUẦN	477.153.661.942	586.798.000.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	26.102.149.083	31.652.430.939
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.991.235.113	1.249.718.144
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.712.305.981)	(6.800.000.000)
Số cuối năm	<u>27.381.078.215</u>	<u>26.102.149.083</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	334.122.432.163	130.716.069.433
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế	66.900.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật Enviro	27.682.440.252	-
- Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần	16.147.880.000	16.147.880.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đắc Đạo	-	29.337.657.307
- Các nhà cung cấp khác	223.392.111.911	85.230.532.126
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	61.002.216.548	92.456.320.094
TỔNG CỘNG	<u>395.124.648.711</u>	<u>223.172.389.527</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	3.136.418.391	3.136.418.391
Phải thu về cho vay dài hạn	-	58.365.989.843
TỔNG CỘNG	<u>3.136.418.391</u>	<u>61.502.408.234</u>
Trong đó:		
Bên khác	3.136.418.391	3.136.418.391
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	58.365.989.843

(*) Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1				
Hợp đồng số 40/HĐ-Licogi16-Kto	<u>3.136.418.391</u>	12 tháng	9	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng (*)	186.190.917.375	139.706.865.517
Phải thu chuyển nhượng vốn	106.600.000.000	-
Đặt cọc	99.741.783.299	3.010.446.830
Chi hộ	22.386.517.174	-
Phải thu lãi cho vay	6.271.849.544	6.971.215.024
Khác	3.949.669.458	6.526.381.505
TỔNG CỘNG	<u>425.140.736.850</u>	<u>156.214.908.876</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	<i>410.920.223.888</i>	<i>137.423.267.691</i>
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>14.220.512.962</i>	<i>18.791.641.185</i>

(*) Đây là khoản tạm ứng cán bộ nhân viên để tham gia thực hiện các dự án bất động sản và các dự án xây dựng.

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản dở dang (*)	132.230.886.207	194.159.439.610
Các công trình xây dựng dở dang	106.307.276.160	35.762.224.235
Nguyên vật liệu	28.429.651.733	20.630.563.316
Hàng hóa bất động sản	1.082.515.506	1.082.515.506
Công cụ, dụng cụ	788.159.551	1.542.197.792
TỔNG CỘNG	<u>268.838.489.157</u>	<u>253.176.940.459</u>

(*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	88.197.851.740	86.549.023.480
Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	35.136.543.950	35.010.305.184
Khu dân cư Bảo Lộc 17ha	8.896.490.517	72.600.110.946
TỔNG CỘNG	<u>132.230.886.207</u>	<u>194.159.439.610</u>

Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha, khu dân cư Nhơn Trạch 27ha và khu dân cư Bảo Lộc 17ha được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 22.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	1.469.268.627	16.729.377.342
Phí bảo hiểm	924.818.680	-
Công cụ, dụng cụ	220.075.214	74.659.335
Phí tư vấn	-	16.241.507.135
Khác	324.374.733	413.210.872
Dài hạn	630.873.078	236.497.655
Công cụ, dụng cụ	630.873.078	236.497.655
TỔNG CỘNG	<u>2.100.141.705</u>	<u>16.965.874.997</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

				VND
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	94.485.044.176	59.643.042.755	1.522.379.455	155.650.466.386
Mua mới	49.197.990.451	48.187.697.796	-	97.385.688.247
Đầu tư XD CB hoàn thành	50.676.629.013	-	-	50.676.629.013
Thanh lý	<u>(6.941.184.064)</u>	<u>(7.785.352.365)</u>	<u>-</u>	<u>(14.726.536.429)</u>
Số cuối năm	<u>187.418.479.576</u>	<u>100.045.388.186</u>	<u>1.522.379.455</u>	<u>288.986.247.217</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.187.315.019	6.061.677.717	139.647.636	9.388.640.372
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(21.452.308.791)	(20.891.751.877)	(999.194.017)	(43.343.254.685)
Khấu hao trong năm	(18.394.886.502)	(8.419.257.188)	(197.486.531)	(27.011.630.221)
Thanh lý	<u>1.572.292.243</u>	<u>2.792.474.901</u>	<u>-</u>	<u>4.364.767.144</u>
Số cuối năm	<u>(38.274.903.050)</u>	<u>(26.518.534.164)</u>	<u>(1.196.680.548)</u>	<u>(65.990.117.762)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>73.032.735.385</u>	<u>38.751.290.878</u>	<u>523.185.438</u>	<u>112.307.211.701</u>
Số cuối năm	<u>149.143.576.526</u>	<u>73.526.854.022</u>	<u>325.698.907</u>	<u>222.996.129.455</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 22.2)</i>	77.921.967.096	15.657.024.771	-	93.578.991.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	<i>Máy móc và thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Thuê trong năm	<u>6.241.674.374</u>
Số cuối năm	<u>6.241.674.374</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	<u>(192.380.375)</u>
Số cuối năm	<u>(192.380.375)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u><u>6.049.293.999</u></u>

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và cuối năm	<u>9.665.060.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(4.782.880.719)
Hao mòn trong năm	<u>(1.208.132.500)</u>
Số cuối năm	<u>(5.991.013.219)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>4.882.179.281</u>
Số cuối năm	<u><u>3.674.046.781</u></u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.667.017.125	72.649.439.820
Trạm trộn bê tông Speco 2	22.393.975.000	-
Trạm trộn bê tông Benninghoven	-	48.972.288.425
Khác	<u>93.000.000</u>	<u>57.250.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>95.153.992.125</u>	<u>121.678.978.245</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	395.131.861.427	218.014.226.377
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	199.248.674.660	603.357.793.569
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 16.3</i>)	472.447.030.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	24.659.519.500	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(123.508.733.758)</u>	<u>(139.119.853.689)</u>
TỔNG CỘNG	<u>967.978.351.829</u>	<u>682.252.166.257</u>

(*) Các khoản tiền gửi dài hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc hơn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 7,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16 (i)	Cung cấp dịch vụ xây dựng	142.500.000.000	95	-	-
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Điện Phước	Đầu tư và phát triển khu dân cư	91.752.981.427	95	78.135.346.377	95
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Đầu tư và phát triển khu dân cư	85.878.880.000	80	85.878.880.000	80
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16 (ii)	Cung cấp dịch vụ tiện ích	75.000.000.000	75	-	-
Công ty TNHH Siêu Thành (iii)	Đầu tư và phát triển khu dân cư	-	-	54.000.000.000	90
TỔNG CỘNG		395.131.861.427		218.014.226.377	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-		(4.950.000.000)	
GIÁ TRỊ THUẦN		395.131.861.427		213.064.226.377	

- (i) Từ ngày 30 tháng 6 năm 2017 đến ngày 15 tháng 12 năm 2017, Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16 trị giá 142.500.000.000 VND theo Nghị quyết Số 19/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 7 tháng 6 năm 2017.
- (ii) Từ ngày 28 tháng 11 năm 2017 đến ngày 21 tháng 12 năm 2017, Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16 trị giá 75.000.000.000 VND theo Nghị quyết Số 35/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 28 tháng 12 năm 2017.
- (iii) Trong năm, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ 90% vốn góp trong Công ty TNHH Siêu Thành cho nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 49.050.000.000 VND theo Quyết định Số 12/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 23 tháng 5 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học bio-ethanol, bio-diesel	123.508.733.758	22	123.508.733.758	22
Công ty Cổ phần Licogi 166	Cung cấp dịch vụ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng	40.894.891.811	46,42	40.894.891.811	46,42
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Thi công lắp đặt các hệ thống điện	21.390.000.000	34,5	21.390.000.000	34,5
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Gia công và chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng	12.000.000.000	46,15	12.000.000.000	46,15
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Tư vấn thiết kế và giám sát xây dựng	1.455.049.091	36,36	2.363.640.000	36,36
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội (i)	Đầu tư và xây dựng khu dân cư để bán và cho thuê	-	-	308.500.528.000	30
Công ty Cổ phần BOT 38 (ii)	Đầu tư và phát triển hạ tầng	-	-	72.500.000.000	29
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh (iii)	Khai thác và xử lý nước	-	-	22.200.000.000	20
TỔNG CỘNG		199.248.674.660		603.357.793.569	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(123.508.733.758)		(134.169.853.689)	
GIÁ TRỊ THUẦN		75.739.940.902		469.187.939.880	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

- (i) Trong năm, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 30% cổ phần trong Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội cho nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 320.000.000.000 VND.
- (ii) Trong năm, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 10% cổ phần trong Công ty Cổ phần BOT 38 cho nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 25.000.000.000 VND, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này còn 19% và được ghi nhận là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- (iii) Trong năm, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 5% cổ phần trong Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh cho nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 28.600.000.000 VND, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này còn 15% và được ghi nhận là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

16.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Đầu tư và phát triển hạ tầng	378.447.030.000	19,5	-	-
Công ty Cổ phần BOT 38	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19	-	-
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Khai thác và xử lý nước	46.500.000.000	15	-	-
TỔNG CỘNG		472.447.030.000		-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán khác	425.157.479.676	244.521.494.974
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Nhân Luật	43.477.777.926	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vinh Phú	33.087.400.000	59.661.200
- Wirtgen Singapore Pte., Ltd	-	46.799.448.000
- Khác	348.592.301.750	197.662.385.774
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	104.641.278.511	169.871.126.312
TỔNG CỘNG	<u>529.798.758.187</u>	<u>414.392.621.286</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	101.903.186.903	208.366.165.367
- Công ty Cổ phần Licogi 13	23.982.852.063	-
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	19.507.494.726	61.254.529.627
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	-	64.920.800.000
- Khác	58.412.840.114	82.190.835.740
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30)	784.451.693.314	100.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>886.354.880.217</u>	<u>308.366.165.367</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	11.905.591	1.320.889.099	(1.320.889.099)	11.905.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.028.349.208	10.100.440.631	(4.873.893.444)	11.254.896.395
Thuế thu nhập cá nhân	1.505.285.046	6.111.788.896	(5.680.042.532)	1.937.031.410
Thuế nhà thầu	732.683.354	-	(732.683.354)	-
Khác	4.398.556	3.000.000	(3.079.834)	4.318.722
TỔNG CỘNG	<u>8.282.621.755</u>	<u>17.536.118.626</u>	<u>(12.610.588.263)</u>	<u>13.208.152.118</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án các công trình xây dựng	107.192.337.368	158.064.115.252
Lương tháng 13	3.421.190.770	2.502.432.470
Lãi vay	1.623.967.556	361.122.163
Tiền hoa hồng	-	6.335.981.605
Khác	245.454.545	490.000.000
TỔNG CỘNG	<u>112.482.950.239</u>	<u>167.753.651.490</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	246.112.946.121	89.085.735.530
Vốn góp của cổ đông (*)	140.500.000.000	-
Phạt thuế	56.662.873.850	58.669.949.461
Nhận tạm ứng	26.046.035.123	26.046.035.123
Phải trả khoản đầu tư	20.000.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	527.142.929	464.912.060
Khác	2.376.894.219	3.904.838.886
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.365.443.351	65.443.351
TỔNG CỘNG	257.478.389.472	89.151.178.881
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	246.178.389.472	87.826.004.222
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	11.300.000.000	1.325.174.659

(*) Đây là khoản góp vốn nhận được từ đợt phát hành riêng lẻ 22.000.000 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 (Thuyết minh số 32).

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	466.446.320.841	268.991.956.456
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	274.735.555.731	215.617.941.138
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 22.3)	149.468.392.000	-
Vay từ cá nhân	-	16.374.550.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	26.073.005.341	15.169.555.568
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	14.830.471.271	21.829.909.750
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.4)	1.338.896.498	-
Dài hạn	115.576.091.869	44.528.799.833
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.2)	111.670.977.082	44.528.799.833
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 22.4)	3.905.114.787	-
TỔNG CỘNG	582.022.412.710	313.520.756.289

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	313.520.756.289	440.044.661.187
Vay trong năm	1.053.809.596.749	655.687.992.945
Thuê tài chính trong năm	6.865.677.490	-
Trả nợ vay trong năm	(790.551.951.613)	(782.211.897.843)
Trả nợ thuê tài chính trong năm	(1.621.666.205)	-
Số cuối năm	<u>582.022.412.710</u>	<u>313.520.756.289</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn					
Hợp đồng vay số 775/2013/HĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013 kèm phụ lục bổ sung số 12-775/2013/HĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017	116.962.293.285	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2018 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	8,3	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha; Quyền sử dụng đất tại Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án Khu dân cư Bảo Lộc 17ha
Hợp đồng vay số 1483/2015/95893/HĐTD ngày 18 tháng 9 năm 2015	15.685.437.302	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2018 đến ngày 6 tháng 5 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	8,3	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 56/2016/HĐTD/HCM/01 ngày 6 tháng 10 năm 2016	68.713.964.233	Từ ngày 9 tháng 2 năm 2018 đến ngày 23 tháng 9 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	8,1 ~ 8,4	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha
Hợp đồng vay số 231/2017/HĐTD/HCM.01 ngày 4 tháng 8 năm 2017	37.674.088.974	Từ ngày 11 tháng 5 năm 2018 đến ngày 1 tháng 9 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	8,1 ~ 8,4	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 17.360211/2017-HĐCVHM/NHCT900-LICOGI16 ngày 19 tháng 6 năm 2017	35.699.771.937	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2018 đến ngày 28 tháng 8 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	7,5	Các hợp đồng kinh tế Licogi 16 đã ký trong Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 17.3600327/HĐTCQTS/NHCT900-Licogi
TỔNG CỘNG	<u>274.735.555.731</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 03-04.15/HĐTDTH/TPB.HCM ngày 13 tháng 5 năm 2015	1.874.666.670	Từ ngày 14 tháng 2 năm 2018 đến ngày 14 tháng 5 năm 2018	Thanh toán tiền mua 8 ô tô Tata Dea Woo	9,6	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.874.666.670				
Hợp đồng vay số 393/2017/HĐTD/HCM/01 ngày 26 tháng 10 năm 2017	755.555.556	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2018 đến ngày 26 tháng 10 năm 2020	Thanh toán tiền mua ô tô Toyota Fortuner	6,8	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	266.666.666				
Hợp đồng vay số 121/2017/HĐTD/HCM/01 ngày 4 tháng 5 năm 2017	625.566.664	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2018 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020	Thanh toán tiền mua ô tô Toyota Fortuner	6,8	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	268.100.000				
Hợp đồng vay số 236/2017/HĐTD/HCM/01 ngày 24 tháng 7 năm 2017	437.444.445	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2018 đến ngày 26 tháng 7 năm 2020	Thanh toán tiền mua ô tô Ford Ranger XLS MT	6,8	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	169.333.334				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 375/2017/HĐTD/HCM/01 ngày 27 tháng 10 năm 2017	44.322.500.000	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2018 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	Đầu tư máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải	7 ~ 9,3	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	2.165.989.583				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn					
Hợp đồng vay số 402/2016/95893/HĐTD ngày 3 tháng 3 năm 2016	89.728.249.088	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2018 đến ngày 4 tháng 2 năm 2021	Mua sắm tài sản cố định	10,9	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<u>21.328.249.088</u>				
TỔNG CỘNG	<u>137.743.982.423</u>				
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	26.073.005.341				
<i>Vay dài hạn</i>	111.670.977.082				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.3 Vay từ bên liên quan

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16					
Hợp đồng vay ngày 30 tháng 6 năm 2017	103.968.392.000	Không kỳ hạn	Tài trợ vốn lưu động	1	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiệp ích Licogi 16					
Hợp đồng vay số 04/17-LCU ngày 20 tháng 12 năm 2017	45.500.000.000	Ngày 20 tháng 12 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	6,5	Tín chấp

Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần BOT 38					
Hợp đồng vay số 20A/HĐVV/BOT38-LCG ngày 15 tháng 4 năm 2015	14.830.471.271	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không lãi suất	Tín chấp
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	14.830.471.271				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.4 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.748.509.694	409.613.196	1.338.896.498	-	-	-	
Từ 1 năm trở xuống	1.748.509.694	409.613.196	1.338.896.498	-	-	-	
Nợ thuê tài chính dài hạn	4.374.545.369	469.430.582	3.905.114.787	-	-	-	
Từ 1 đến 5 năm	4.374.545.369	469.430.582	3.905.114.787	-	-	-	
TỔNG CỘNG	6.123.055.063	879.043.778	5.244.011.285	-	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	50.168.000.932	1.025.555.086.789
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	51.009.005.865	51.009.005.865
Số cuối năm	<u>762.499.560.000</u>	<u>93.686.613.494</u>	<u>(3.390.000)</u>	<u>119.204.302.363</u>	<u>101.177.006.797</u>	<u>1.076.564.092.654</u>
Năm nay						
Số đầu năm	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	101.177.006.797	1.076.564.092.654
Tăng vốn cổ phần (*)	17.500.440.000	-	-	-	-	17.500.440.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	38.524.771.868	38.524.771.868
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.243.912.618)	(7.243.912.618)
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	(53.374.732.600)	(53.374.732.600)
Khác	-	(10.000)	10.000	-	-	-
Số cuối năm	<u>780.000.000.000</u>	<u>93.686.603.494</u>	<u>(3.380.000)</u>	<u>119.204.302.363</u>	<u>79.083.133.447</u>	<u>1.071.970.659.304</u>

(*) Vào ngày 16 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.750.044 cổ phiếu phổ thông cho nhân viên chủ chốt theo Chương trình lựa chọn cho người lao động với tổng giá trị 17.500.440.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 24/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 5 tháng 9 năm 2017. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận thông qua việc ban hành GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 17 ngày 21 tháng 11 năm 2017.

(**) Trong năm, Công ty đã công bố trả cổ tức với giá trị là 53.374.732.600 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 20/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Sở đầu năm	762.499.560.000	762.499.560.000
Tăng trong năm	17.500.440.000	-
Số cuối năm	<u>780.000.000.000</u>	<u>762.499.560.000</u>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức bằng tiền đã công bố	53.374.732.600	-
Cổ tức đã trả	53.362.173.410	-

23.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	78.000.000	76.249.956
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.000.000	76.249.956
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(338)	(338)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	77.999.662	76.249.618

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ xây dựng	899.808.398.529	771.347.141.533
Doanh thu bán hàng	130.802.789.808	14.126.277.349
Doanh thu từ bán đất nền	127.354.078.926	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	126.545.456	36.559.842.003
TỔNG CỘNG	<u>1.158.091.812.719</u>	<u>822.033.260.885</u>

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	24.599.472.000	11.900.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.946.893.526	14.540.994.884
Cổ tức	1.287.681.818	1.050.000.000
TỔNG CỘNG	<u>32.834.047.344</u>	<u>27.490.994.884</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ xây dựng	871.843.906.446	728.265.993.774
Giá vốn hàng bán	124.458.389.520	12.839.058.438
Giá vốn bán đất nền	76.851.875.770	-
Giá vốn dịch vụ khác	-	3.622.264.927
TỔNG CỘNG	<u>1.073.154.171.736</u>	<u>744.727.317.139</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	35.660.392.971	33.608.759.598
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.950.000.000 (15.611.119.931)	2.462.500.000 1.044.916.642
Khác	311.334.588	1.606.688.401
TỔNG CỘNG	<u>25.310.607.628</u>	<u>38.722.864.641</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng	7.104.295.038	1.594.007.983
Chi phí hoa hồng tư vấn	7.091.032.771	1.594.007.983
Chi phí khác	13.262.267	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	37.331.539.376	27.708.230.032
Chi phí lương	22.474.845.862	17.094.991.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.914.987.745	6.400.076.974
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.899.675.128	1.632.757.049
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	1.278.929.132	(5.550.281.856)
Chi phí khác	8.763.101.509	8.130.686.824
TỔNG CỘNG	<u>44.435.834.414</u>	<u>29.302.238.015</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	6.542.589.415	34.440.034.903
Phí bảo lãnh	2.980.822.642	3.245.910.690
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	28.211.476.936
Khác	3.561.766.773	2.982.647.277
Chi phí khác	(5.942.623.201)	(20.202.865.012)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(2.620.965.850)	-
Phí bảo lãnh	(2.484.018.868)	(2.247.932.843)
Phạt thuế	-	(14.548.830.889)
Khác	(837.638.483)	(3.406.101.280)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>599.966.214</u>	<u>14.237.169.891</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>10.100.440.631</u>	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>48.625.212.499</u>	<u>51.009.005.865</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	9.725.042.500	10.201.801.173
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.863.597.876	3.303.487.049
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	255.785.826	(1.110.056.372)
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	(19.945.250)	(1.800.000)
Chênh lệch chi phí khấu hao	(125.457.156)	(711.910.135)
Cổ tức nhận được	(257.536.364)	(210.000.000)
Thay đổi chi phí phải trả ngắn hạn	(1.017.750.247)	368.058.509
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(990.000.000)	990.000.000
Lỗ năm trước chuyển sang	(333.296.554)	(12.829.580.224)
Chi phí thuế TNDN	<u>10.100.440.631</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	<i>VND</i>
Các chênh lệch tạm thời	
Lỗi chuyển sang các năm sau	41.717.168.432
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	27.381.078.215
Chênh lệch chi phí khấu hao	5.112.368.405
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.247.230.372
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.182.101.000
TỔNG CỘNG	<u>77.639.946.424</u>

Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 41.717.168.432 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 43.383.651.203 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

				<i>VND</i>
<i>Năm</i>	<i>Có thể</i>		<i>Đã chuyển lỗ đến</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại</i>
<i>phát</i>	<i>chuyển lỗ</i>		<i>ngày 31 tháng 12</i>	<i>ngày 31 tháng 12</i>
<i>sinh</i>	<i>đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>năm 2017</i>	<i>không được</i>
			<i>chuyển lỗ</i>	<i>năm 2017</i>
2015	2020	46.571.497.627	(4.854.329.195)	-
				<u>41.717.168.432</u>

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	798.123.878.007	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng	173.437.944.094	-
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng	384.063.055.632	-
		Nhận tạm ứng	133.980.000.000	-
		Góp vốn	37.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Góp vốn	142.500.000.000	-
		Vay	104.400.000.000	-
		Dịch vụ tư vấn	1.440.000.000	-
		Chi phí lãi vay	459.091.682	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Doanh thu bán đất nền	113.276.018.164	-
		Lãi cho vay (*)	2.885.242.385	11.645.350.160
		(*) <i>Lãi suất cho vay</i>	14,3%	14,3%
		Doanh thu môi giới bất động sản (**)	-	23.227.203.885
		(**) <i>Phần trăm phí môi giới được hưởng</i>	-	8,5%
		Doanh thu dịch vụ xây dựng	-	16.119.724.634
		Doanh thu dịch vụ tư vấn giải tỏa đền bù đất	-	12.500.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Công ty	114.709.848.856	177.949.743.753
		Tạm ứng thực hiện dự án	50.000.000.000	13.422.219.069
		Vay	30.000.000.000	10.000.000.000
		Phí bảo lãnh	2.750.822.242	3.689.551.307
		Nhận cổ tức	1.069.500.000	1.050.000.000
		Chi phí lãi vay	674.411.110	-
		Bán nguyên vật liệu	632.707.264	1.303.157.382
		Doanh thu khác	192.181.818	-
		Nhận tạm ứng	-	100.000.000.000
		Góp vốn	-	14.390.000.000

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16	Công ty con	Góp vốn	75.000.000.000	-
		Vay	45.500.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Vay	17.730.471.271	16.300.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng	6.579.528.598	170.050.113.877
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Điền Phước	Công ty con	Góp vốn	13.617.635.050	1.397.640.000
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Công ty	6.797.664.376	91.332.913.766
		Doanh thu xây dựng, bán nguyên vật liệu	6.606.403.371	1.350.182.465
		Mua nguyên vật liệu	3.885.588.974	477.985.041
		Cho vay	2.000.000.000	-
		Doanh thu khác	286.505.073	973.286.718
		Bán tài sản	-	4.874.342.072
		Chi phí tài chính	-	1.606.688.401
		Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	-	597.001.754
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Vay	1.650.000.000	2.960.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	218.181.818	-
Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc ("TGD")	Vay	200.000.000	1.000.000.000
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Vay	25.950.000	1.350.000.000
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT	Vay	-	9.500.000.000
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên Ban TGD	Vay	-	2.955.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	97.420.302.557	-
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	80.120.403.597	-
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	28.293.236.718	48.979.421.591
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cho thuê	1.321.425.440	1.321.425.440
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	212.194.576	18.736.311.867
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên Ban TGD	Bán đất nền	539.066.640	-
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGD	Bán đất nền	520.712.640	-
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT	Bán đất nền	453.082.776	-
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	9.240.019.878
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	-	8.580.834.737
TỔNG CỘNG			208.880.424.944	86.858.013.513
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	41.845.725.000	-
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	12.305.362.686	54.056.482.630
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	3.700.000.000	35.248.708.602
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	3.151.128.862	3.151.128.862
TỔNG CỘNG			61.002.216.548	92.456.320.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu về cho vay</i>				
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Cho vay	-	58.365.989.843
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Tạm ứng	9.855.891.968	9.855.891.968
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Tạm ứng	2.000.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên Ban TGD	Tạm ứng	1.313.720.413	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Lãi cho vay	997.798.444	3.112.556.059
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Tạm ứng	53.102.137	-
Công ty TNHH Siêu Thành	Công ty con	Tạm ứng	-	5.418.863.309
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Phí bảo lãnh	-	404.329.849
TỔNG CỘNG			14.220.512.962	18.791.641.185
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	73.486.692.109	93.236.245.260
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	29.180.108.189	76.100.402.840
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Dịch vụ tư vấn	1.440.000.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	534.478.213	534.478.212
TỔNG CỘNG			104.641.278.511	169.871.126.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	687.809.150.099	-
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	47.731.108.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Dịch vụ cho thuê	46.461.000.000	-
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT	Bán đất nền	667.720.625	-
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Bán đất nền	664.950.000	-
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên Ban TGD	Bán đất nền	645.863.790	-
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGD	Bán đất nền	471.900.000	-
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	-	100.000.000.000
TỔNG CỘNG			<u>784.451.693.314</u>	<u>100.000.000.000</u>
<i>Phải trả khác</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Ký quỹ dài hạn	11.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Ký quỹ	-	1.325.174.659
TỔNG CỘNG			<u>11.300.000.000</u>	<u>1.325.174.659</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
Vay					
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Vay	103.968.392.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16	Công ty con	Vay	45.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Vay	14.830.471.271	21.829.909.750	
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên HĐQT	Vay	-	2.960.000.000	
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên Ban TGĐ	Vay	-	2.955.000.000	
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGĐ	Vay	-	1.350.000.000	
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGĐ	Vay	-	1.000.000.000	
TỔNG CỘNG			164.298.863.271	30.094.909.750	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>7.851.520.688</u>	<u>4.674.315.946</u>

31. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.554.139.200	1.331.100.000
Trên 1 đến 5 năm	<u>2.930.592.888</u>	<u>2.451.442.500</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.484.732.088</u>	<u>3.782.542.500</u>

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 30 tháng 1 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 22.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 220.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận thông qua việc ban hành GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 ngày 20 tháng 3 năm 2018.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

			
Đặng Văn Lục Người lập	Nguyễn Văn Việt Kế toán trưởng	Đinh Thị Hiền Giám đốc Tài chính	Bùi Dương Hùng Người đại diện theo pháp luật



Ngày 30 tháng 3 năm 2018